

# DI SẢN VĂN HÓA HÀ NỘI MỘT THIÊN NIÊN KỶ - Những dấu ấn văn hóa và thách thức

PGS.TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG \*

**T**hời gian thấm thoát thoi đưa, chẳng mấy chốc đã sắp đến ngày Hà Nội kỷ niệm 1000 năm trở thành quốc đô của nước Đại Việt xưa, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay. Mới ngày nào Lý Công Uẩn từ Hoa Lư lý giải cho quần thần về việc cần thiết phải tìm nơi đất tốt để định đô lâu dài cho đất nước. Ông đã chỉ ra rằng, đất Đại La (Hà Nội bây giờ): “ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa Nam, Bắc, Tây, Đông, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt, đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”. Tâm nhìn của vua Lý Thái Tổ ngót ngàn năm trước về vị thế của đất Thăng Long đã được thực tế lịch sử khẳng định. Do vị thế quan yếu mà vùng đất này luôn được các triều đại kế tiếp chọn là kinh đô của đất nước. Cho dù đã có lúc kinh đô của đất nước được dịch chuyển

đến một vài nơi khác như: cuối thế kỷ XIV Hồ Quý Ly dời đô về An Tôn (Thanh Hóa), Tây Sơn định đô ở Phú Xuân, từ 1802 đến 1945 nhà Nguyễn neo đô tại Huế. Thi sau năm 1945 cho đến bây giờ Hà Nội lại trở về vị thế là thủ đô- trái tim của cả nước.

Những điều mô tả của Lý Công Uẩn về vùng đất ông chọn làm đế đô, hiện nay vẫn còn nguyên giá trị, vùng này nằm ở trung tâm hệ thống đồng bằng sông Hồng, sông Thái Bình, tương đối bằng phẳng, được bao quanh và chia cắt bởi hệ thống sông hồ, đầm vũng. Sông Hồng bao lấy mạn Bắc và Đông. Sông Tô Lịch là một nhánh của sông Hồng có một cửa ở khu vực chợ Gạo (cửa Thanh Hà) chảy xuôi xuống phía Tây rồi thẳng dòng xuôi về Nam, uốn về phía Đông làm thành những con hào thiên nhiên bao bọc kinh thành. Những con sông không chỉ chuyên chở phù sa màu mỡ, tạo nên đồng ruộng phì nhiêu, cấp nước cho lao động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày. Sông ngòi còn là những con đường giao thông nối kinh thành với những vùng miền trong nước. Xa hơn một chút về phía Tây có các ngọn núi Ba Vì, Tam Đảo nhấp nhô trên các

\* PHÓ CỤC TRƯỞNG  
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

dãy núi điệp trùng, tạo thành bức tường thành thiên nhiên, tô đẹp cảnh quan của chốn kinh kỳ. Núi sông kỳ vĩ, đồng bằng tươi tốt được con người khai phá, chăm sóc từ nhiều thế kỷ đã tạo nên một cảnh quan văn hóa mang đậm giá trị truyền thống nhân văn phương Đông, với đặc trưng các công trình kiến trúc do con người tạo ra hòa nhập với thiên nhiên, tô điểm cho thiên nhiên.

Những lời bệch bạch của Lý Thái Tổ về những "giá trị" tiềm ẩn, vị thế quan yếu của nơi đây cho thấy, những người đi trước đã khéo chọn nơi đóng đô/trị sở cho xứ này cách đó cả ngàn năm, từ Cổ Loa, Đại La đến Thăng Long. Như vậy, có thể nói, hình thế núi sông do thiên nhiên xấp đặt sẵn cho con người, vẻ đẹp ẩn tàng sự thịnh vượng, tạo nên cảnh quan văn hóa kết hợp giữa vẻ đẹp thiên nhiên và sự tô điểm của bàn tay, khối óc và tâm linh con người Việt Nam đã góp phần hun đúc linh khí ngàn năm nơi đế đô thêm hưng thịnh. Cảnh quan thiên nhiên đó cho dù đã trải qua/chứng kiến nhiều phen hưng phế của các vương triều, nhiều lần bị chiến tranh bom đạn tàn phá, nhưng vẫn trường tồn đến ngày nay.

Bên cạnh khí thiêng sông núi người xưa thường quen gọi là "địa linh" mà cái linh ở nơi này là linh địa đứng đầu cả nước. Hà Nội còn là nơi hội tụ những tinh anh "nhân kiệt" của quốc gia. Mở đầu cho truyền thống phòng chống thiên tai là cuộc chiến giữa "Sơn Tinh và Thủy Tinh"; Mở đầu cuộc chiến chống giặc ngoại xâm là Phù Đổng Thiên Vương. Những người anh hùng huyền thoại xuất thân khác thường như những tấm gương/những bức thông điệp người xưa gửi gắm cho các thế hệ mai sau luôn luôn đề cao cảnh giác bảo vệ quê hương, xóm làng. Một đất nước hàng năm chịu hàng chục cơn bão lớn nhỏ, thường xuyên bị lân bang nhòm ngó, tìm cách đồng hóa thì dù một đứa trẻ mới lên ba cũng phải hóa thân đứng dậy để bảo vệ cuộc sống bình yên cho quê hương, đất nước. Cũng trên đất Hà Nội vào đầu Công nguyên, hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị đã lãnh đạo nhân dân đứng lên đánh đuổi ngoại xâm. Những địa danh liên quan đến thân thế, sự nghiệp của Hai Bà,

những nơi thờ Hai Bà Trưng và tướng lĩnh của Hai Bà tụ lại cả ở Hà Nội như nơi sinh (Mê Linh), nơi hóa (Hát Môn), nơi hiển linh (Đồng Nhân châu). Đó là những bài học lịch sử nhập môn về truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong suốt một ngàn năm đấu tranh giành độc lập dân tộc hồi đầu Công nguyên, Hà Nội còn gắn bó với sự nghiệp của các anh hùng: Lý Bí (thế kỷ VI), hai chàng trai Đường Lâm (Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng- thế kỷ VII và Ngô Quyền thế kỷ X) cùng các danh tướng Phạm Tu, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trung Ngạn... thân thế, sự nghiệp của các vị ấy đã làm rạng danh cho đất kinh kỳ.

Thăng Long không chỉ là quê hương của một số anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu của đất nước mà do là kinh đô, trung tâm quyền lực chính trị lớn nhất của đất nước kéo dài cả ngàn năm nên Thăng Long đã là nơi sống và làm việc của hầu hết các tài năng xuất chúng, từ các vị hoàng đế, những người trong hoàng tộc, các vị tướng lĩnh tài ba, những nhà hoạch định chính sách, kinh bang tế thế, những nhà văn hóa, nhà giáo lớn...

Tại vùng đất đế đô, các triều đại nối tiếp nhau dựng nên các thể chế chính trị, các công trình xây dựng phục vụ cho vương quyền, tôn giáo, tín ngưỡng và các hoạt động chốn đế đô. Những thành quách, lâu đài, cung điện, chùa, quán, được xây dựng từ thời Bắc thuộc, tòa thành ở cửa sông Tô thời nước Vạn Xuân khi Lý Bí phát cờ dựng nghiệp. Đại La thành hồi thế kỷ VIII- X, rồi những công trình do các triều đại Lý, Trần, Lê (Trịnh) dựng lên, được ghi trong sử sách cho đến nay hầu như đã mai một hết. Sự mai một của các công trình kiến trúc chốn kinh đô phần do hầu hết kiến trúc đều có bộ khung làm bằng vật liệu gỗ không thể trường tồn với thời gian và thiên nhiên khắc nghiệt, phần do con người tàn phá trong chiến tranh và trong quá trình xây dựng các công trình mới. Chưa bao giờ sự phá hủy các công trình kiến trúc truyền thống lại diễn ra nhanh chóng, quyết liệt như trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện đại hóa ngày nay. Do máy móc ngày càng hiện đại, việc đào

bởi bằng tay đã được thay bằng máy xúc hàng chục tấn, việc phá đá bằng phương pháp thủ công được thay thế bằng mìn công nghiệp. Cách xây dựng công trình giờ đây cũng khác hẳn xưa kia. Nếu như trước kia, mỗi lần xây dựng công trình mới trên nền cũ, người ta thường đổ đất tôn nền cao hơn nền cũ rồi dựng công trình lên đó, thì bây giờ với việc xây dựng công trình cao ốc có tầng hầm làm nơi để xe, máy móc, người ta vét sạch nền móng, lại còn đào sâu xuống để đóng cọc bê tông. Cách xây dựng của người xưa đã để lại cho chúng ta nhiều dấu vết nền móng kiến trúc của các thời đại trước, còn với cách xây dựng hiện nay thì mọi dấu tích trong lòng đất đều bị hốt bỏ, thay vào đó là những lớp cọc móng bê tông.

Đơn cử một ví dụ về thành Thăng Long: Thành Đại La được bắt đầu xây dựng từ năm 767<sup>2</sup>, đến năm 824 Lý Nguyên Gia dời đến sông Tô Lịch<sup>3</sup>, năm 866 Cao Biền cho xây dựng mở rộng quy mô bề thế<sup>4</sup>. Từ khi nhà Lý về định đô cho đến thế kỷ XIX, tòa thành liên tục được xây đắp, tu sửa, cho đến ngày nhà Nguyễn cho thu hẹp quy mô thành, rồi sau đó người Tây cho phá rở đi, chỉ còn lại một số hạng mục như: Cửa Bắc, Hậu Lâu, Đoan Môn, Điện Kính Thiên, Cột Cờ. Những di tích trên mặt đất của thành Thăng Long cơ bản đã bị phá hủy, nhưng khi giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình mới, các nhà khảo cổ vẫn còn phát hiện được dấu vết kiến trúc của các thời kỳ trước đây. Tỉ dụ tại khu vực số 18 Hoàng Diệu trong khu vực khoảng hơn 4 vạn mét vuông đã phát hiện dấu vết kiến trúc của các thời từ Đại La cho đến Lý- Trần- Lê- Nguyễn, chìm sâu dưới đất khoảng 5m. Những dấu tích tìm được bao gồm nền móng kiến trúc cung điện, dinh thự; Bờ kè, tường bao, cổng, rãnh thoát nước; Gỗ và đá kê chân cột; Cột gỗ; Các loại móng trụ bằng đất trộn sỏi, ngói, cuội; Một số giếng cổ cung cấp nước sinh hoạt trong khu vực; Một khối lượng lớn kiến trúc vật và di vật mang phong cách và dấu vết từ thời kỳ Đại La, Đinh, Tiền Lê, Lý Trần, (hậu) Lê, Nguyễn như: đồ đất nung- bao gồm gạch xây, gạch lát, gạch bó vữa, ngói lợp, ngói trang trí,

các loại con giống trang trí; Kiến trúc vật bằng đá có các loại như chân tảng, đá chạm hình linh vật. Những di vật bằng đất nung, gốm, sành, sứ, kim loại, gỗ, xương, với nhiều loại hình khác nhau, có nguồn gốc Việt Nam và nước ngoài, phản ánh đời sống sinh hoạt của chủ nhân trong khu vực di tích. Đặc biệt, trong khu vực này còn phát hiện cả một số bộ xương người, cho thấy sự phức tạp, những giá trị đa chiều của khu di tích.

Đó là những di sản do người xưa để lại do cách xây dựng thủ công, còn với cách thức xây dựng hiện nay chẳng còn gì để lại, trừ những tòa nhà kiên cố bằng bê tông cốt thép.

Nói đến di sản văn hóa của Thăng Long- Hà Nội, ngoài khu “thành” đã bị phá như nêu trên, khu vực “thị” của chốn kinh kỳ, địa bàn sinh tụ của tầng lớp thị dân bao quanh thành, tập trung đông hơn cả ở khu vực cửa Đông, trong suốt ngàn năm tồn tại tuy có một số biến động về địa lý, dân cư, nhưng cho đến nay cơ bản vẫn ổn định, tạo nên một khu phố cổ không yên tĩnh, trầm lắng như nó vẫn hoạt động cả ngàn năm, có sự cuốn hút kỳ diệu đối với những ai quan tâm đến nếp sống thanh lịch của người Hà Nội.

Khu vực nội đô trước đây được đánh dấu bằng Thăng Long tứ trấn (đền Bạch Mã phía Đông, đền Voi Phục phía Tây, đền Trấn Vũ phía Bắc và đình Kim Liên phía Nam). Về sự xuất hiện câu nói “Thăng Long tứ trấn” từ bao giờ chưa có nhà nghiên cứu nào để tâm tìm hiểu. Tất cả hầu như đều mặc nhiên công nhận như là nó đã có từ lâu lắm rồi, gắn chặt với sự ra đời của kinh đô Thăng Long, chả ai bận tâm tìm hiểu xem câu nói đó xuất phát từ đâu? Trong quan niệm dân gian hay của một nhà thông thái nào đó nêu ra. Mà bận tâm để làm gì khi Thăng Long tứ trấn phản ánh bốn phía Đông- Bắc- Tây- Nam của Thăng Long. Ở đó có 4 vị thần trấn giữ, ba vị thần Cao Sơn (Kim Liên), Linh Lang (Voi Phục), Long Đỗ (Bạch Mã) đều có nguồn gốc bản địa, sự tích của các vị Cao Sơn, Long Đỗ còn có trước cả khi Thăng Long trở thành kinh đô của đất nước.

Nếu như việc xác định niên điểm ra đời của

các ngôi đền Trấn Vũ, Kim Liên, Voi Phục còn nhiều điểm trống thì đền Bạch Mã lại là ngôi đền gắn chặt với sự tồn tại của Đại La- Thăng Long và khu phố cổ Hà Nội. Bạch Mã, một ngôi đền thờ mà sự linh dị và sự cổ kính của nó đã được ghi lại trong thư tịch thời Trần, sách xưa viết về đền này như sau: “Đền Long Đỗ tại phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương, đền thờ vị Long Đỗ Thần Quân Quảng Lợi Bạch Mã Đại Vương, người đời truyền rằng, khi Cao Biền xây thành Đại La (Cao Biền ở nước ta 866- 874), có lúc ông ra chơi ở cửa Đông bỗng thấy trời tối sầm lại, vân vũ mờ mịt, có luồng mây ngũ sắc từ một khu đất phát ra làm chói cả mắt, trong luồng mây ấy có một người ăn mặc dị thường cưỡi rồng xuất hiện, tay cầm kim giản đứng sừng sững giữa mây hồi lâu mới tan. Biền sợ quá, muốn dùng ma thuật để yểm nhưng đêm ấy Biền lại chiêm bao thấy vị thần ấy nói rằng: ta là tinh Long Đỗ ở đây đã lâu, nghe ông xây thành ở đây mới đến gặp để xem ông muốn yểm ra sao. Biền càng sợ hãi mới than rằng: Ta không có khả năng chinh phục được cõi xa, làm sao mà xây được thành kiên cố. Do đó, Biền ra lệnh chôn vàng và đồng để yểm, tức thì đêm đó bỗng dưng mưa to và sấm sét dữ dội, sáng ra thấy các vật vàng và đồng mà Biền cho chôn hôm qua bị quật lên cả. Biền lấy làm lạ nên cho lập đền thờ (ngay tại chỗ ấy), phong làm thần Long Đỗ. Đến đời Lý Thái tổ dời kinh đô đến Thăng Long, vì đô thành hễ đắp lại lở, liền sai người đến đền cầu đảo, chợt thấy con ngựa trắng đi từ trong đền ra, qua thành một vòng, đi đến đâu có dấu vết đến đấy, rồi vào trong đền thì biến mất. Sau theo dấu vết ngựa đi để đắp thành, thì thành không lở nữa, bèn thờ làm Thành Hoàng Thăng Long. Các triều sau cũng theo đấy phong làm Quảng Lợi Bạch Mã tối linh thượng đẳng thần.”<sup>5</sup>. Trong hơn một nghìn năm tồn tại, Thăng Long có nhiều biến động, thiên tai, hỏa hoạn nhưng đền vẫn được bảo tồn cho đến ngày nay. Đền trở thành một dấu mốc lịch sử văn hóa sừng sững giữa khu Thị của kinh thành Thăng Long xưa, khu phố cổ Hà Nội ngày nay, chứng tích về sự bền vững, trường tồn của non sông, đất nước.

Những tòa thành vững chắc gắn liền với các triều đại phong kiến xưa kia đã ra đi không còn tồn tại cùng núi Nùng- sông Nhị do những biến cố lịch sử và những sự tàn phá của các triều đại quân chủ và thực dân đế quốc. Ngược trở lại khu Thị, không có những công trình kiên cố vững chắc nhưng do đặc tính “mềm” của khu phố phường sản xuất buôn bán, nên dần được mở rộng theo đà phát triển mở rộng của kinh đô, quy mô dân số tăng dần theo năm tháng. Người trong hoàng tộc, tầng lớp quan lại về kinh mang theo gia đình họ hàng. Thương nhân, thợ thủ công ra chốn thị thành tìm kiếm việc làm, hoặc chỉ đơn giản là tìm nơi để thở hơn chốn làng quê ngột ngạt với bao luật tục khắt khe. Cũng có khi vì loạn lạc, giặc giã liên miên mà chạy ra Thăng Long tha phương cầu thực.

Từ khi đất Đại La được chọn là trị sở của chính quyền đô hộ, nơi đây đã bắt đầu là điểm tụ cư đông đúc. Sau khi trở thành kinh đô của nước Đại Việt, cơ hội gia tăng dân số càng thấy rõ, khu Thị đã nổi danh với “36 sáu phố phường”, được coi là chốn phồn hoa thứ nhất của đất nước. Ở đó hội tụ tất cả những tinh hoa tài năng của đất nước, thông qua các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, các đồ tạo tác, những nhóm/đoàn/phường kịch nghệ nổi tiếng nhất cũng tụ hội về kinh đô. Ở đó, những món ẩm thực đặc sắc, độc đáo, tinh tế, lịch lãm được thể hiện. Những lễ hội hoành tráng, trang nghiêm nhất gắn với sinh hoạt cung đình, tôn giáo, được thực thi.

Ngay từ thời Lý, khu vực Thị của Thăng Long đã sầm uất với chợ cửa Đông (Bạch Mã), bên ngoài cửa Đông và sát với khu vực ngã ba sông Nhị- sông Tô tạo nên cảnh chợ- búa (bến) náo nhiệt nơi kinh thành. Thời kỳ này, nơi đây cũng đã hình thành các phường thợ thủ công<sup>6</sup>.

Công việc làm ăn ở Kẻ chợ có lúc thăng, lúc trầm, nhưng cơ bản vẫn phát triển theo sự lớn lên của kinh thành. Cùng với thời gian, và sự mở rộng diện tích đất đai của khu phố cổ, nhiều ngành nghề thủ công truyền thống đã được đưa đến kinh thành, tạo nên những phố phường chuyên kinh doanh một hoặc một số

mặt hàng.

Thương nhân và thợ thủ công người Việt chiếm vai trò chủ đạo trong khu phố cổ suốt gần cả ngàn năm qua, những người thuộc thành phần khác sống trong khu phố cổ không nhiều và cũng không làm thay đổi đặc trưng của khu phố cổ vốn là khu đô thị thương mại gắn với kinh thành Thăng Long. Các thương nhân và thợ thủ công này từ các miền quê trên đồng bằng châu thổ Bắc Bộ tụ hội về. Đa số họ từ các miền quê đem nghề của quê hương mình ra kinh đô làm ăn, có một số ít được triều đình huy động như trường hợp dân nghề bạc Châu Khê (Hưng Yên) được điều ra Thăng Long để đúc bạc từ thế kỷ XV, và dân đúc đồng ở tổng Đền Cầu được huy động ra bán đảo Ngũ Xã phục vụ yêu cầu đúc tiền của triều đình vào thế kỷ XVIII<sup>7</sup>.

Khu phố cổ Hà Nội nói riêng, khu vực Hà Nội cổ nói chung, kể từ khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về đây, đã qua nhiều lần phân chia địa giới, thời Lý, Trần chia làm 61 phường<sup>8</sup>. Vào thời Lê Trung hưng chia lại thành 36 phường,<sup>9</sup> thời Nguyễn khu phố cổ Hà Nội nằm trong một phần đất của hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức gồm có 36 phường, mỗi huyện có 18 phường<sup>10</sup>. Từ sau năm 1954 đến nay, khu phố cổ Hà Nội lại trải qua nhiều biến động phân chia địa vực hành chính lúc là tiểu khu, khu rồi lại phường, quận.

Bên cạnh sự biến động về việc phân chia địa vực hành chính, khu phố cổ Hà Nội còn có những thay đổi về địa hình, dân cư, nghề nghiệp, tín ngưỡng, tôn giáo, những yếu tố tác động không nhỏ vào các giá trị di tích trong khu phố cổ.

Về địa hình, vào thời Lý- Trần, khu phố cổ Hà Nội với trục chính là khu vực các phố Đồng Xuân, Hàng Đường, Hàng Ngang, Hàng Đào tỏa ra phía Đông bám vào ngã ba sông Tô-sông Nhị ở quãng bờ Tây của sông Tô Lịch và bờ Nam sông Hồng (các phố Hàng Buồm, Chợ Gạo) để phát triển thương mại.

Đến năm 1274 Đời vua Trần Thánh Tông, người Tống ở mé Giang Nam, đem 30 chiếc thuyền biển chở đầy của cải và vợ con, vượt biển đến qui phục, nhà vua cho an trí ở

phường Nhai Tuân, (khu vực Hòe Nhại). Họ sinh sống và mở phố buôn bán ở khu vực này.<sup>11</sup>

Tới thời Lê Trung hưng, khu ngã ba sông Hồng - sông Tô hay bị lở, hàng năm vào mùa mưa, nước sông Hồng lên to, khu vực này bị nước sông xói vào không thể giữ cho khỏi bị lở. Vì vậy, triều đình đã để cho các hiệu khách của Hoa kiều ở khu vực này tải đá làm mỏ hàn chắn phía thượng lưu. Do đó bớt được nạn xói lở hàng năm, việc này dẫn đến một hệ quả là ven sông về phía Nam dần dần nổi lên bãi phù sa. Rồi người ta kéo đến tụ họp đông đúc, hình thành nên những dãy phố hai bên phường Thái Cực, Đông Hà, Đông Các đến vạn Hàng Mắm, vạn Hàng Bè, bến Tây Long (khu vực Nhà hát lớn hiện nay) men theo bờ sông Hồng<sup>12</sup>.

Một biến động đáng kể đối với diện tích khu phố cổ Hà Nội đó là sự kiện triều Nguyễn chọn kinh đô tại Huế, do đó, vị thế của thành Thăng Long bị hạ thấp dần, lúc đầu là việc xây lại thành Hà Nội với quy mô thành của một tỉnh theo kiểu Vô băng (Vauban) diện tích chỉ còn khoảng 1km<sup>2</sup> vào năm Gia long 4 (1805), sau đó, đến năm thứ 16 niên hiệu Minh Mệnh (1835) lại cho rằng thân thành quá cao hạ thấp đi 1 thước 8 tấc.<sup>13</sup>

Sự thu hẹp lại của thành Hà Nội lại tạo điều kiện cho việc mở rộng khu đô thị thương mại về phía Tây. Cửa Đông trước đây ở đoạn giữa phố Hàng Cân và Hàng Đường nay lùi xa về phía Tây sau phố Hàng Gà- Hàng Điều hiện nay<sup>14</sup>. Đến khoảng năm 1895, chính quyền thực dân Pháp cho đầu thầu phá thành Hà Nội, quân Pháp phá điện Kính Thiên để xây trụ sở Bộ Tư lệnh pháo binh Pháp<sup>15</sup>.

Cùng với quá trình lấp sông Tô Lịch, đoạn từ sông Hồng chảy xuống qua phố Cầu Gỗ, Phan Đình Phùng, một số hồ ao trong khu vực khu phố cổ cũng đã được san lấp biến thành nhà dân hoặc lấy chỗ cho các công trình hạ tầng cơ sở, như khu vực quán Huyền Thiên- phố Hàng Khoai hiện nay vốn nằm trên một bán đảo, hồ bao quanh đảo hình vành khuyên, nên được gọi là hồ Tay Ngai. Đến khi Pháp xây cầu Long Biên (khánh thành năm

1902) cho lấp hồ, diện tích quán bị thu hẹp lại, phần hồ bị lấp sau này hình thành một phần các phố Gầm Cầu, Nguyễn Thiếp và một phần các phố Hàng Giấy, Hàng Khoai ở phía Đông Bắc khu phố cổ.

Như vậy, đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, về cơ bản mặt bằng khu phố cổ Hà Nội đã có hình dáng như hiện nay. Sau khi Hà Nội được quy hoạch lại vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những con đường nhỏ trong khu vực 36 phố phường cũng được nắn lại, chỉnh trang, lát gạch, làm cống rãnh, và dựng cột điện cho thích ứng với một thành phố thời kỳ cận hiện đại. Sự ra đời của cây cầu Long Biên và đường sắt kéo theo sự gia tăng các hoạt động thương mại dịch vụ của đô thành. Không còn bị đồ giang cách trở, dân cư trở nên đông đúc hơn. Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XX, diện mạo khu phố cổ Hà Nội đã bắt đầu định hình với việc những ngôi nhà lợp tranh, tường trát vôi rom được thay thế bằng tường gạch, mái ngói "san sát như bát úp"<sup>16</sup>. Sự chuyển đổi về chất liệu xây dựng đã tạo cho khu phố cổ giảm bớt được nguy cơ hỏa hoạn, vốn là một tai họa thường trực của khu vực này<sup>17</sup>. Cùng với sự chỉnh trang nhà cửa, đường phố, hoạt động của các ngành nghề thủ công truyền thống của cư dân đô thị ngày càng ổn định. Diện mạo các tuyến phố trong khu phố cổ đã được nâng cấp một bước. Đến những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong khu phố cổ, bên cạnh những ngôi nhà hình ống một tầng có gác lửng hoặc hai tầng có cửa sổ nhỏ mở trông ra phố, lợp ngói truyền thống, đã bắt đầu xuất hiện những ngôi nhà xây theo kiểu Tây, kiến trúc cao hai, ba tầng, sử dụng vật liệu hiện đại, phong cách kiến trúc, trang trí theo kiểu châu Âu ở mặt tiền. Các kiến trúc mới được xây dựng với quy mô vừa phải, hình dáng kiến trúc cũng tương đối phù hợp với các kiến trúc trong khu phố cổ.

Các con phố trong khu phố cổ Hà Nội hầu hết là phố buôn bán, hoạt động thương mại, thủ công nghiệp ở đó diễn ra khá đa dạng. Có phố chỉ chuyên lấy hàng ở các nơi về bày bán, cũng có phố, mỗi gia đình vừa là nơi sản xuất vừa là nơi bán hàng. Ở những phố này, các

thương nhân kiêm luôn thợ thủ công.

Những ngôi nhà ở/thờ cúng kiêm cửa hiệu và xưởng sản xuất tạo thành một mô hình khép kín từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, tạo nên một sức hấp dẫn đối với khách hàng. Người ta có thể chọn mẫu mã để được phục vụ ngay tại chỗ. Vừa chọn được mẫu mã, mặt hàng vừa ý, vừa được thưởng thức quá trình làm ra sản phẩm ngay trước mắt mình, nếu bạn là người tò mò, mong muốn trải nghiệm thực tiễn. Sản phẩm của các lò thủ công này được bày bán tại cửa hàng, đồng thời được sản xuất theo mẫu mã và số lượng theo yêu cầu của khách.

Các con phố trong khu phố cổ vì thế là nơi tụ cư của các cửa hàng, cửa hiệu, nơi giao dịch và buôn bán, từ xa xưa đã tạo nên sự sầm uất ở kinh thành. Do đặc điểm mỗi con phố chỉ chuyên buôn bán hoặc sản xuất và buôn bán một loại mặt hàng nên người xưa đã lấy tên sản phẩm đặt tên cho phố. Cách đặt tên phố như vậy, vô hình chung giúp người mua rất dễ tìm kiếm, mua những mặt hàng mình cần mà không phải tìm kiếm vất vả. Điều này đã được người phương Tây ghi nhận từ rất sớm<sup>18</sup>.

Vì mỗi phố gần như chỉ chuyên vào một loại mặt hàng chủ yếu nên cư dân ở mỗi phố hầu hết là những người chuyên sản xuất và kinh doanh một loại sản phẩm nhất định. Đặc điểm đó đã tạo nên tình hình dân cư ở mỗi phố thường bao gồm những nhóm người có cùng quê quán và nghề nghiệp. Cư trú trong những tuyến phố, nhà cửa của mỗi gia đình đều cần có một mặt tiền để làm chỗ buôn bán, phía sau làm chỗ sản xuất và cất trữ hàng hóa và ăn ở sinh hoạt của gia chủ. Vì thế, một cách rất tự nhiên, khuôn viên của các gia đình đều có mặt bằng hình chữ nhật với mặt tiền nhỏ hẹp, còn chiều sâu thì rất dài, tạo nên kiểu nhà hình ống trong khu phố cổ.

Phương thức lao động, địa bàn sống đô thị của cư dân trong khu phố cổ tạo nên phong cách sống khá đa dạng của người dân thị thành.

Tình hình dân cư trong khu phố cổ Hà Nội từ thời Lý cho đến trước năm 1945 cho thấy,

đây là địa bàn tụ hội của những người thợ thủ công và thương nhân có nguồn gốc rất đa dạng; bên cạnh những người Việt còn có người Hoa và những người đến từ châu Âu, Ấn Độ.

Con người, nhất là người Việt vốn rất ưa thờ cúng các bậc thần linh, tổ tiên để mong được sự phù hộ cho cuộc sống tốt đẹp. Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng nhà cửa, tu bổ đường xá, người ta còn xây dựng các công trình kiến trúc tôn giáo- tín ngưỡng để tôn vinh các vị thần linh. Vì thế, nay vào khu phố cổ, chúng ta còn gặp rất nhiều di tích kiến trúc tôn giáo- tín ngưỡng, cả các tín ngưỡng bản địa và các tôn giáo lớn trên thế giới.

Ở đó hội tụ cả những ngôi chùa thờ Phật, Quán đạo giáo (Huyền Thiên), nhà thờ Ki Tô giáo, nhà thờ Hồi giáo và những đình thờ Thành hoàng làng, đền thờ các vị có công với dân, với nước, với thủ đô. Ở đó có cả các thiết chế văn hóa phản ánh quá trình tụ cư của người Hoa như Hội quán Phúc Kiến.

Có thể nói, những dãy phố với những ngôi nhà kiềng cửa hiệu, nơi sản xuất và nơi trưng bày các sản phẩm văn hóa, các nghệ thuật trình diễn, những hoạt động tôn giáo- tín ngưỡng thông qua lễ nghi, hội hè, lối sống, nếp sống của người Thăng Long xưa- Hà Nội nay đã làm nên vẻ đẹp trường tồn của văn hóa Thăng Long- Hà Nội

Nói đến di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội, ngoài khu Thành và Thị không thể nhắc đến các công trình kiến trúc tín ngưỡng- tôn giáo được khởi dựng từ ngàn năm trước như: đình, chùa, đền, miếu (Văn Miếu- Quốc Tử Giám, cái nôi đào tạo nhân tài đất nước từ thời Lý). Hệ thống sông ngòi, hồ nước tô đẹp cho chốn kinh kỳ (Hồ Gươm- Đền Ngọc Sơn, Hồ Tây), những khu nhà kiến trúc phương Tây cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX... tô đậm vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên và các giá trị nhân văn trong sáng của đất đế đô.

Những giá trị tiêu biểu của văn hóa Thăng Long- Hà Nội dù cho có trải qua những biến động về chính trị, những sự thay triều đổi đại, những công trình của con người xây dựng làm thay đổi diện mạo của mảnh đất này. Vị trí địa lý, diện mạo cảnh quan, môi trường thiên

nhiên và các di sản vật thể và phi vật thể trong khu phố cổ Hà Nội vẫn mãi mãi giữ cho nó có vị trí quan trọng, là nơi để đô muôn đời của đất nước.

Từ ngàn xưa, đến ngàn sau, nơi này vẫn sẽ là trung tâm quyền lực lớn nhất của đất nước, là nơi hội nhân, hội thủy; nơi hội tụ nhân tài đất nước; nơi tập trung, phát triển các ngành nghề kinh tế hàng đầu của đất nước mọi thời đại; nơi giao lưu, gặp gỡ, trao đổi của các dòng văn hóa trong và ngoài nước; nơi đại diện cho văn hóa đất nước, cửa mở nhìn ra thế giới, giới thiệu văn hóa đất nước với bạn bè quốc tế không đâu có thể thay thế được.

Chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới, từ tháng 8 năm 2008 Hà Nội được mở rộng về quy mô bao gồm: thành phố Hà Nội, toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và 4 xã của huyện Lương Sơn (Hòa Bình). Tổng diện tích của thủ đô mới hơn 3.300 km<sup>2</sup>, dân số hơn 6 triệu người. Về di sản văn hóa có 1164 di tích và danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích cấp quốc gia; 931 di tích danh thắng được xếp hạng cấp tỉnh (thành phố), trong tổng số 5175 di tích được ghi vào sổ kiểm kê của thành phố Hà Nội (kể cả Hà Tây cũ). Hà Nội đã có hai di tích quốc gia được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt là Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ chủ tịch và Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long tại Quyết định số 1272/QĐ-TTG ngày 12/8/2009.

Đó là di sản văn hóa vật thể, còn vô số di sản văn hóa phi vật thể như: các phong tục, tập quán, các biểu đạt văn hóa truyền thống, nghệ thuật trình diễn (ca trù, rối nước, chèo tàu), lễ hội (làng Gióng, bơi Đám, rước Giá-hội Thày...), làng nghề nổi tiếng (gốm Bát Tràng, lụa Vạn Phúc, khảm trai Chuyên Mỹ, thêu Quất Động, tượng Sơn Đồng, mộc Chàng Sơn...) đang cần được quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị cho xứng đáng với công lao sáng tạo, gìn giữ, trao truyền của các thế hệ tiền nhân, tạo nên sự đa dạng văn hóa của thủ đô, đất nước.

Nhận diện các giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của thủ đô ngàn năm văn hiến,

thấy được sự mong manh, dễ vỡ của các di sản văn hóa và thiên nhiên trước các tác động của thiên nhiên và xã hội. Cần trân trọng những di sản ít ỏi còn sót lại sau 1000 năm, mỗi người chúng ta trong những hành động của mình đều nên hướng tới giữ gìn di sản văn hóa của thủ đô, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đang diễn ra rất mạnh mẽ hiện nay. Sự hủy diệt thiên nhiên, môi trường văn hóa xã hội của sự phát triển và đô thị hóa hiện nay rất ghê gớm. Sức tàn phá của nó gấp cả ngàn năm cộng lại nếu không có ý thức bảo tồn di sản văn hóa thì không thể nào cứu vãn được khi đã bị mất đi.

Hà Nội kỷ niệm 1000 năm với bao nhiêu giằng xé giữa bảo tồn và phát triển, sự đô thị hóa, hiện đại hóa, những toan tính phát triển kinh tế không kịp để con người có thời gian suy ngẫm về tác động trái chiều của nó đến môi trường thiên nhiên, đời sống văn hóa xã hội. Nạn ô nhiễm môi trường trên đường phố, trong các làng nghề. Những tòa nhà cao ốc, siêu thị mọc lên bên trong và bao quanh khu phố cổ, những dự án cải tạo nâng cấp cầu Long Biên rộng hơn, cao hơn, các đầu cầu mở rộng thoáng hơn, rồi các dự án đường sắt trên cao, đường tàu điện ngầm đi trên và trong lòng khu phố cổ đang dần dần trở thành hiện thực trong những năm sắp đến. Các làng xóm đang trở thành đô thị, phố phường.

Đón thiên niên kỷ mới, Khu Trung tâm hoàng thành Thăng Long được xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt, kỳ vọng sẽ trở thành di sản văn hóa thế giới vào đúng dịp đại lễ 1000 năm. Ca trù, trong đó có Ca trù Hà nội đã được vinh danh di sản văn hóa thế giới.

Bảo tồn và phát triển, mâu thuẫn vẫn luôn tồn tại đặt ra trước mắt các nhà hoạch định chính sách của Hà Nội không dễ gì giải quyết nếu không có tâm và tầm hiểu biết thấu đáo về các giá trị văn hóa nhân văn và cảnh quan văn hóa của Hà Nội, để Hà Nội xứng đáng là mẫu mực của sự phát triển kinh tế và bảo tồn di sản văn hóa của cả nước. Mong rằng một thiên niên kỷ nữa Hà Nội không chỉ còn lại những di sản được tạo ra sau thế kỷ XXI.

N.Q.H

### Tài liệu tham khảo

- 1- *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT), tập I, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Viện khoa học xã hội Việt Nam. Nxb.KHXH, H.1998. tr. 241.
- 2- ĐVSKTT, tập I, tr. 190.
- 3- ĐVSKTT, Sđd, tập 1, tr. 193.
- 4- Khuyết danh, *Đại Việt sử lược*, thế kỷ 14 (1337-1338), Viện đại học Huế, 1961, tr. 20.
- 5- Lý Tế Xuyên, *Việt Điện U Linh*, Nxb.VH, H. 2001, tr. 98- 100.
- 6- *Nguyễn Trãi toàn tập*, tập thượng, Nxb. Văn hóa-Thông tin, H.2001, tr. 745-746.
- 7- Xem thêm Lê Văn Lan, *Ảnh hưởng của nông thôn đối với các thành thị phong kiến ở Việt Nam, Nông thôn Việt Nam Trong lịch sử*, Nxb.KHXH, H. 1977, tr. 195-196.
- 8- ĐVSKTT, Sđd, tập 2, tr.12.
- 9- Phạm Đình Hổ, *Vũ Trung tùy bút*, tr. 13-14.
- 10- *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, tr. 199.
- 11- ĐĐVSKTT, Sđd, tập 2, tr. 39.
- 12- Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, Nxb. Trẻ, Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. Hồ Chí Minh, 1989, tr. 18-19.
- 13- *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, tr. 174- 175;
- 14- *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, UBKHCHVN, Ban Hán Nôm sưu tầm dịch và giới thiệu. Nxb. KHXH, H. 1978, tập II, tr. 106.
- 15- Hoàng Đạo Thúy, *Phố phường Hà Nội xưa*, Sở VH TT Hà Nội, 1974, tr.14.
- 16- Dẫn theo Nguyễn Bá Đương, *Lịch sử khu phố cổ Hà Nội*, Ban chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội, Ủy Ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Di tích lịch sử - văn hóa trong khu phố cổ và xung quanh Hồ Hoàn Kiếm, Nxb. H. 2002, tr.23.
- 17- William Dampier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb.Thế giới, H.2006, tr. 64
- 18- *Hồ sơ di tích khu phố cổ Hà Nội*, tài liệu lưu trữ tại Cục Di sản văn hóa.